

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO GIÁO DỤC BẬC ĐẠI HỌC NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

STUDY OF FACTORS AFFECTING TO QUALITY TRAINING OF HIGHER EDUCATION IN FINANCE - BANKING IN THE CONTEXT OF TECHNOLOGY REVOLUTION 4.0, AT THE UNIVERSITY OF ECONOMICS - TECHNOLOGY FOR INDUSTRIES

Vũ Thị Thục Oanh, Nguyễn Hồng Yên

Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 20/3/2019, chấp nhận đăng ngày 23/4/2019

Tóm tắt: Việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học để đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ là đòi hỏi bức thiết cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam, nhất là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra hiện nay. Chất lượng đào tạo chỉ có thể được nâng cao khi quá trình đào tạo có sự gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của người sử dụng lao động nói riêng và nhu cầu xã hội nói chung. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, chất lượng đào tạo của ngành tài chính - ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp mới chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Điều này đòi hỏi cơ sở đào tạo cần xây dựng mối liên hệ mật thiết với khách hàng cuối cùng, thiết kế lại chương trình đào tạo để đạt được các chuẩn đầu ra theo yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

Từ khóa: Chất lượng đào tạo, tài chính - ngân hàng, cách mạng công nghiệp.

Abstract: Improving the quality of higher education to meet the demand for qualified human resources is an urgent requirement for economic growth and development in Vietnam, especially in the context of industrial revolution 4.0 is taking place today. The quality of training can only be enhanced when the training process is closely linked to the needs of employers in particular and social needs in general. The research results show that the quality of training of Finance and Banking at the University of Economics - Technology for Industry only meets a part of the requirements of employers. This requires the training institution to build a close relationship with the final customer, redesign the training program to achieve the output standards required by the employer.

Keywords: Listed business, fraud, factors, the stock market.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra tại nhiều nước phát triển, mang đến cho nhân loại cơ hội để thay đổi bộ mặt các nền kinh tế, nhưng cùng với đó là không ít những thách thức mà các nước phải đối mặt. Hiện nay, không chỉ ở Việt Nam mà nhiều nước đang phát triển trong khu vực và thế giới đều

đang phải đối mặt với những thách thức lớn về sự thiếu hụt lao động có trình độ cao và kỹ năng chuyên nghiệp để đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực cho cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Chính vì vậy, câu hỏi đặt ra không chỉ với nền giáo dục Việt Nam nói chung mà còn với ngành tài chính ngân hàng nói riêng là làm thế nào để đào tạo ra nguồn

nhân lực lao động để đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh mới của thế giới. Khi các trường đại học tại Việt Nam ra đời ngày càng nhiều và việc cạnh tranh về đào tạo rất lớn giữa các trường đại học công lập và ngoài công lập, giữa các trường đại học Việt Nam và đại học nước ngoài thì việc nâng cao chất lượng đào tạo là một yêu cầu bức thiết hiện nay đối với các trường đại học nhằm tăng sức cạnh tranh. Nội dung của bài viết này tập trung vào việc kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục bậc đại học ngành tài chính - ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục bậc đại học ngành Tài chính ngân hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghệ 4.0.

2. ĐỊNH NGHĨA VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

O'Neill và Palmer (2004) cho rằng chất lượng đào tạo đại học là sự khác biệt giữa những gì mà sinh viên mong muốn nhận được và nhận thức của họ về chuyển giao thực tế.

Parri (2006) cho rằng chất lượng đào tạo đại học có thể tập hợp thành các quan điểm chất lượng như sau: (1) chất lượng là sự vượt trội, xuất sắc; (2) chất lượng là không có lỗi; (3) chất lượng là phù hợp với mục tiêu; (4) chất lượng là sự chuyển đổi, định hình lại; (5) chất lượng là ngưỡng tiêu chuẩn; (6) chất lượng là sự nâng cao hay cải tiến; (7) chất lượng là giá trị đồng tiền.

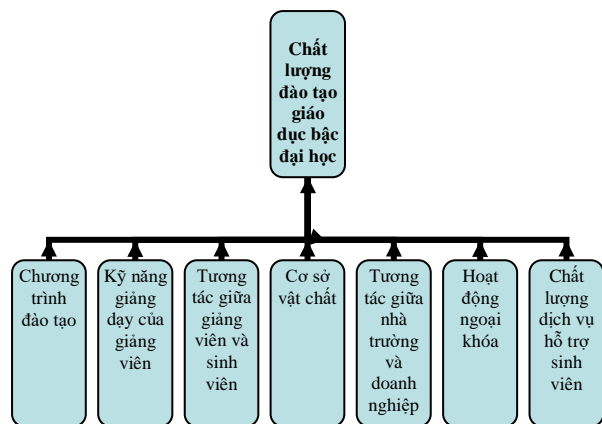
Chen và cộng sự (2007) đưa ra định nghĩa chất lượng đào tạo đại học như sau: chất lượng đào tạo đại học là một khái niệm đa hướng bao gồm các chức năng và hoạt động như chương trình đào tạo, chất lượng giảng viên giảng dạy, chính phủ, cơ sở vật chất, đặc điểm sinh viên, quản lý và hành chính

và hệ thống tương tác.

Như vậy, chất lượng đào tạo đại học là một khái niệm phức tạp và đa chiều và một định nghĩa phù hợp duy nhất về chất lượng đào tạo đại học vẫn còn thiếu. Trong nghiên cứu này, định nghĩa chất lượng đào tạo đại học của O'Neill và Palmer (2004) được sử dụng vì nó liên quan đến cảm nhận của sinh viên về chất lượng đào tạo.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài báo thực hiện thông qua nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định lượng sơ bộ được thực hiện bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp cựu sinh viên của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thông qua bảng câu hỏi chi tiết. Mẫu cho nghiên cứu định lượng này có kích thước $n = 321$. Dữ liệu thu thập từ nghiên cứu này được sử dụng để đánh giá thang đo các khái niệm nghiên cứu về hệ số tin cậy và giá trị thang đo về chất lượng giáo dục đào tạo ngành tài chính - ngân hàng. Hai phương pháp được sử dụng là phương pháp hệ số tin cậy Cronbach's alpha và phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis).



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

(Nguồn: tổng hợp của tác giả)

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Kết quả Cronbach's alpha tại bảng 1 cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy của thang đo.

Các hệ số tương quan biến tổng đều cao (nhỏ nhất là biến CSVC = 0,499 > 0,3). Cronbach's alpha của các thang đo đều cao, nhỏ nhất là thang đo kỹ năng giảng dạy của giảng viên (0,772 > 0,7). Cụ thể là Cronbach's alpha của thang đo chương trình đào tạo (CTDT) là 0,885; của thang đo kỹ năng giảng dạy của giảng viên (GV) là 0,772; của thang đo tương tác giữa giảng viên và sinh viên (TTSV) là 0,794; của thang đo cơ sở vật chất (CVC) là 0,828; của thang đo tương tác giữa nhà trường và doanh nghiệp (TTDN) là 0,0773; của thang đo hoạt động ngoại khóa (HDNK) là 0,795; của thang đo chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên (HTSV) là 0,921. Vì vậy, tất cả biến quan sát sẽ được sử dụng phân tích EFA tiếp theo.

Bảng 1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

STT	Thang đo	Số biến	Cronbach's alpha
1	Chương trình đào tạo	4	0,885
2	Kỹ năng giảng dạy của giảng viên	4	0,772
3	Tương tác giữa giảng viên và sinh viên	3	0,794
4	Cơ sở vật chất	5	0,828
5	Tương tác giữa nhà trường và doanh nghiệp	3	0,773
6	Hoạt động ngoại khóa	3	0,795

STT	Thang đo	Số biến	Cronbach's alpha
7	Chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên	3	0,921

(Nguồn: kết quả xử lý trên phần mềm SPSS)

4.2. Kết quả đánh giá giá trị các thang đo

Kết quả phân tích EFA tại bảng 2 cho thấy có 7 nhân tố trích tại eigenvalue = 1,037 > 1 và tổng phương sai trích được là 73,368% > 50% (xem bảng 2). Nhân tố chương trình đào tạo (CTDT) có trọng số nhân tố nhỏ nhất là 0,692 > 0,5. Nhân tố chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên (HTSV) có trọng số nhân tố nhỏ nhất là 0,846 > 0,5. Nhân tố cơ sở vật chất (CVC) có trọng số nhân tố nhỏ nhất là 0,539 > 0,5. Nhân tố kỹ năng giảng dạy của giảng viên (GV) có trọng số nhân tố nhỏ nhất là 0,677 > 0,5. Nhân tố tương tác giữa nhà trường và doanh nghiệp (TTDN) có trọng số nhân tố nhỏ nhất là 0,619 > 0,5. Nhân tố hoạt động ngoại khóa (HDNK) có trọng số nhân tố nhỏ nhất là 0,705 > 0,5. Nhân tố tương tác giữa giảng viên và sinh viên (TTSV) có trọng số nhân tố nhỏ nhất là 0,650 > 0,5. Và có chênh lệch trọng số nhân tố giữa trọng số nhân tố của biến đó nhóm vào so với trọng số nhân tố lên các nhân tố khác đều > 0,3. Do đó, giá trị thang đo các khái niệm này đạt yêu cầu (Hair và cộng sự, 2014).

Bảng 2. Kết quả phân tích EFA

Biến quan sát	Nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
CTDT1	0,818	0,050	0,236	0,183	-0,194	-0,027	0,106
CTDT2	0,692	0,248	0,336	0,100	-0,160	0,088	0,089
CTDT3	0,915	0,087	-0,006	0,037	0,059	0,137	0,105
CTDT4	0,832	0,117	0,084	0,055	0,134	0,166	0,101

Biến quan sát	Nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
GD1	0,194	-0,042	0,390	0,680	0,205	0,014	0,107
GD2	0,140	0,119	-0,062	0,753	0,017	0,033	0,306
GD3	0,014	0,136	0,147	0,682	0,074	0,084	0,286
GD4	0,072	0,151	0,194	0,677	0,215	0,259	-0,045
TTSV1	0,021	0,149	-0,120	0,346	0,239	0,180	0,650
TTSV2	0,148	0,126	0,203	0,136	0,120	0,068	0,857
TTSV3	0,256	-0,007	0,249	0,218	0,075	0,184	0,701
CSVC1	0,085	0,196	0,785	0,169	-0,038	0,042	0,259
CSVC2	0,092	0,057	0,639	0,274	-0,228	0,226	0,266
CSVC3	0,311	0,261	0,539	0,168	0,300	0,241	-0,018
CSVC4	0,216	0,358	0,645	0,023	0,279	-0,007	-0,119
CSVC5	0,208	0,416	0,629	0,062	0,323	0,021	0,054
TTDN1	-0,007	0,116	0,136	0,259	0,768	0,173	0,008
TTDN2	-0,040	0,026	-0,001	0,026	0,832	0,019	0,167
TTDN3	-0,071	0,352	0,093	0,175	0,619	0,220	0,234
HDNK1	0,137	0,181	0,073	0,114	0,281	0,705	0,112
HDNK2	0,059	0,045	0,102	0,118	-0,013	0,852	0,170
HDNK3	0,129	0,121	0,048	0,060	0,088	0,832	0,050
HTSV1	0,103	0,849	0,192	0,143	0,52	0,080	0,058
HTSV2	0,172	0,882	0,189	0,150	0,085	0,161	0,079
HTSV3	0,130	0,846	0,221	0,036	0,181	0,137	0,125
Eigenvalue	80,076	20,659	20,228	10,739	10,377	10,226	10,037
Phương sai	120,529	110,976	110,204	90,983	90,502	90,431	80,742

(Nguồn: kết quả xử lý trên phần mềm SPSS)

Phân tích CFA các thang đo gồm chương trình đào tạo, kỹ năng giảng dạy của giảng viên, tương tác giữa giảng viên và sinh viên, cơ sở vật chất, tương tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, hoạt động ngoại khóa, và chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên. Kết quả phân tích CFA cho thấy biến quan sát CTDT2 bị loại vì có hệ số hồi quy chuẩn hóa thấp

(không lớn hơn 0,50).

4.3. Kết quả phân tích hồi quy

Kết quả phân tích hồi quy được trình bày ở bảng 3 cho thấy về cơ bản các điều kiện của mô hình phân tích hồi quy bội đều được thỏa mãn hay nói cách khác mô hình phân tích hồi quy bội là phù hợp với dữ liệu thu thập được.

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình		Tổng bình phương	Bậc tự do	Hệ số F	Sig.	Hệ số R2 điều chỉnh	Hệ số D-W	Hệ số VIF
1	Hồi quy	24,111	1	23,251	0,000	0,241	2,13	1,000
	Phần dư	71,551	249					
	Tổng	95,662	250					
2	Hồi quy	48,216	2	34,552	0,000	0,489		1,000
	Phần dư	47,446	248					
	Tổng	95,662	250					
3	Hồi quy	59,287	3	36,401	0,000	0,603		1,000
	Phần dư	36,375	247					
	Tổng	95,662	250					

(Nguồn: kết quả xử lý trên phần mềm SPSS)

Kết quả phản ánh: 60,3% sự biến thiên của mức độ đánh giá về chất lượng đào tạo được giải thích bởi sự thay đổi của các biến độc lập.

5. HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Dựa vào kết quả nghiên cứu cho thấy có 6 thành phần tạo nên chất lượng giáo dục trên góc độ sinh viên đó là: (1) chương trình đào tạo, (2) kỹ năng giảng dạy của giảng viên, (3) tương tác giữa giảng viên và sinh viên, (4) cơ sở vật chất, (5) hoạt động ngoại khóa, và (6) chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên. Do đó, các nhà quản lý giáo dục muốn nâng cao chất lượng giáo dục đại học trên góc độ sinh viên thì các nhà quản lý nên quan tâm đến 6 thành phần trên. Dưới đây là một số gợi ý cho nhà quản lý nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học đối với 6 thành phần trên.

• Chương trình đào tạo

Để cải tiến chương trình đào tạo, theo CHE (2013) cho rằng các nhà quản lý giáo dục nên chú ý các vấn đề sau:

(1) Phát triển những kiến thức học thuật liên quan bao gồm liên quan đến ngoại ngữ, phân

tích định lượng và kiến thức thông tin.

(2) Phát triển kiến thức và năng lực có liên quan chặt chẽ đến mục tiêu chương trình đào tạo cốt lõi.

(3) Phát triển những thuộc tính cho sinh viên tốt nghiệp được xem là quan trọng như những kỹ năng sống.

(4) Hiểu và tôn trọng vai trò của giảng viên liên quan đến phát triển chương trình đào tạo.

(6) Cung cấp cơ hội cho giảng viên phát triển để hỗ trợ trong quá trình thực hiện.

Do đó, để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, các nhà quản lý giáo dục nên lưu ý khi thiết kế chương trình đào tạo sao cho những kiến thức mà nhà trường trang bị cho sinh viên đáp ứng được nhu cầu thực tế, nội dung môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng có thể áp dụng trong công việc thực tế, kiến thức và kỹ năng thu được trong các môn học giúp sinh viên tìm được công việc thực tế.

• Kỹ năng giảng dạy của giảng viên

Kyriacou (2007) cho rằng có 7 kỹ năng giảng dạy của giảng viên đóng góp vào thực hành

lớp học thành công có thể được xác định và mô tả như sau:

(1) Lập kế hoạch và chuẩn bị: các kỹ năng liên quan đến việc lựa chọn các mục tiêu đào tạo và kết quả học tập có ý định đối với một bài giảng và làm thế nào tốt nhất để đạt những thứ này.

(2) Trình bày bài giảng: các kỹ năng liên quan đến sinh viên tham gia thành công trong trải nghiệm học tập, đặc biệt là liên quan đến chất lượng giảng dạy.

(3) Quản lý bài giảng: các kỹ năng liên quan đến quản lý và tổ chức các hoạt động học tập diễn ra trong suốt bài giảng để duy trì sự chú ý, quan tâm và tham gia của sinh viên.

(4) Môi trường lớp học: các kỹ năng liên quan đến việc thiết lập và duy trì thái độ tích cực và động lực của sinh viên đối với bài giảng.

(5) Kiểm soát: các kỹ năng liên quan đến việc duy trì trật tự tốt và xử lý các hành vi sai trái sinh viên xảy ra.

(6) Đánh giá sự tiến bộ của sinh viên: các kỹ năng liên quan đến việc đánh giá sự tiến bộ của sinh viên

(7) Nhận xét và đánh giá: các kỹ năng liên quan đến thực tế giảng dạy của mình để cải thiện thực tế giảng dạy trong tương lai.

Do đó, các nhà quản lý giáo dục nên tiếp tục cải thiện chất lượng kỹ năng giảng dạy giảng viên, và mặt khác, các nhà quản lý giáo dục nên cung cấp những điều kiện thích hợp để hỗ trợ giảng viên thực hiện công việc của họ.

• **Tương tác giữa giảng viên và sinh viên**

Để cải tiến tương tác giữa giảng viên và sinh viên, các nhà quản lý giáo dục nên đề nghị giảng viên chú ý các vấn đề sau:

(1) Phải cho sinh viên thấy được lợi ích cá

nhân của họ và lợi ích của việc học tập của họ khi tương tác với giảng viên.

(2) Tìm cách để giúp sinh viên trả lời các câu hỏi của họ: Tìm cách để giúp sinh viên trả lời các câu hỏi của họ được hỗ trợ bởi giảng viên, người sử dụng các kỹ thuật đặt câu hỏi nhằm mục đích gia tăng tính độc lập của sinh viên.

(3) Giải thích lý do cho việc phê bình kết quả học tập của sinh viên. Điều này làm gia tăng một số điểm tốt hơn về thông tin phản hồi, hoặc bằng miệng hoặc bằng văn bản.

(4) Khuyến khích tương tác giảng viên và sinh viên ngoài lớp học (gọi điện thoại, email...).

Do đó, các nhà quản lý giáo dục nên cải tiến tương tác giữa giảng viên và sinh viên bằng cách đề nghị giảng viên nên khuyến khích sinh viên thảo luận trong lớp, tạo cơ hội cho sinh viên đặt câu hỏi trong lớp, tìm cách trả lời các câu hỏi của sinh viên, nên đưa ra lý do khi phê bình kết quả học tập của sinh viên.

• **Cơ sở vật chất**

Để cải tiến cơ sở vật chất, các nhà quản lý giáo dục nên tập trung cải tiến một số vấn đề như: phòng học, phương tiện giảng dạy (máy chiếu, micro...), tài liệu học tập và nghiên cứu cho sinh viên tại thư viện, mạng internet, và cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ cho sinh viên nghiên cứu và học tập. Mở rộng truy cập mạng internet là một giải pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học khi thế giới ngày nay đang ở trong một thời kỳ cách mạng vĩ đại về thông tin, mà trong đó internet là một công cụ cực kỳ quan trọng. Công nghệ thông tin là một bộ phận không thể thiếu được trong đào tạo. Internet không những là một kho tàng thông tin, một thư viện bách khoa vĩ đại của nhân loại, mà còn là một trường đại học của cộng đồng trên thế giới. Do đó, việc giúp đỡ và tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu, sinh viên tham gia vào

cuộc cách mạng về công nghệ thông tin là vấn đề cần phải được đưa lên một trong những ưu tiên trong đào tạo. Do đó, các nhà quản lý giáo dục nên cung cấp cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại cho sinh viên trong quá trình học tập và nghiên cứu, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

• Hoạt động ngoại khóa

Trên góc độ sinh viên, tương tác giữa nhà trường với doanh nghiệp là cần thiết vì nó phát triển nhận thức sinh viên về chức năng công việc trong doanh nghiệp, thái độ đề thích ứng với môi trường doanh nghiệp, kiến thức thực tế và có liên quan, kỹ năng và năng lực để chuẩn bị trở thành người tự làm việc (Majumdar, 2013). Do đó, để cải thiện hoạt động ngoại khóa thì các nhà quản lý giáo dục nên có những hoạt động ngoại khóa hữu ích cho sinh viên, những hoạt động này phải cung cấp những kỹ năng sống hữu ích cho sinh viên và nên mời những diễn giả có uy tín từ các doanh nghiệp trao đổi, chia sẻ tình hình thực tế tại doanh nghiệp, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

• Chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên

Để cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên thông qua cách làm việc của nhân viên đối với sinh viên thì các nhà quản lý giáo dục nên chú ý đến các vấn đề sau:

- (1) Các nhà quản lý giáo dục nên rà soát, xây dựng quy trình làm việc khoa học cho nhân viên nhằm phục vụ sinh viên một cách tốt nhất.
- (2) Tuyển chọn nhân viên dựa vào năng lực làm việc.
- (3) Các nhà quản lý giáo dục nên có kế hoạch thường xuyên đào tạo và phát triển nhân viên như là cách để trang bị cho họ những kỹ năng cần thiết để phục vụ sinh viên một cách tốt nhất về quy trình làm việc.

(4) Xây dựng văn hóa phục vụ: Xây dựng văn hóa phục vụ nếu thành công sẽ cải thiện vấn đề phục vụ sinh viên. Chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên là thành phần quan trọng tạo nên chất lượng giáo dục trên góc độ sinh viên. Do đó, các nhà quản lý giáo dục nên cung cấp chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên thông qua nhân viên luôn làm việc khoa học, thân thiện và nhiệt tình trong việc phục vụ sinh viên, qua đó góp phần cải tiến chất lượng giáo dục đại học.

6. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy thang đo chất lượng đào tạo đại học gồm các thành phần có ý nghĩa thống kê: chương trình đào tạo, kỹ năng giảng dạy của giảng viên, tương tác giữa giảng viên và sinh viên, cơ sở vật chất, hoạt động ngoại khóa, và chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên. Do đó, kết quả nghiên cứu có một số đóng góp về mặt lý thuyết và thực tiễn như sau:

- Về mặt lý thuyết: Kết quả nghiên cứu này sẽ góp phần làm phong phú thêm thang đo về chất lượng đào tạo đại học. Đồng thời, nghiên cứu này bổ sung vào hệ thống đo lường các thành phần khái niệm chương trình đào tạo, kỹ năng giảng dạy của giảng viên, tương tác giữa giảng viên và sinh viên, cơ sở vật chất, hoạt động ngoại khóa, và chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên. Điều này, có thể giúp cho các nhà nghiên cứu hàn lâm và ứng dụng trong lĩnh vực này tại Việt Nam có được hệ thống thang đo để điều chỉnh, bổ sung và sử dụng cho các nghiên cứu của mình tại thị trường Việt Nam.
- Về mặt thực tiễn: Nếu nhà quản lý đào tạo nắm được các thành phần tạo nên chất lượng đào tạo đại học sẽ giúp họ sử dụng và điều chỉnh để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại trường đại học mà mình quản lý, đồng thời góp phần tăng sức cạnh tranh trong lĩnh vực đào tạo giữa trường đại học tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] CHE, 2003. A proposal for undergraduate curriculum reform in South Africa: The case for a flexible curriculum structure. Pretoria, South Africa: The Council on Higher Education (CHE).
- [2] Fleming, N., (2003). Establishing rapport: Personal interaction and learning. Manhattan, Kansas: The IDEA Center.
- [3] Kyriacou (2007). Essential teaching skills. 3rd ed. United Kingdom: Nelson Thornes Ltd.
- [4] O'Neil, M.A. and Palmer, A. (2004). Importance-Performance Analysis: A Useful Tool for Directing Continuous Quality Improvement in Higher Education. Quality Assurance in Education, 12(1), pp.39-52.
- [5] Parri, J. (2006). Quality in higher education. Journal Vadyba/Management, 2(11), pp.107-11.
Peng, P.J. and Samah, A.J.A., 2006. Measuring students' satisfaction for quality education in a e-learning university. Unitar E-Journal, 21(3), pp.11-21.

Thông tin liên hệ: **Vũ Thị Thực Oanh**

Điện thoại: 090909.1982 - Email: vttoanh@uneti.edu.vn

Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

